BIẾN ĐỔI XÃ HỘI NÔNG THÔN VÙNG SÔNG NƯỚC CỬU LONG QUA QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SINH KẾ: NGHIÊN CỨU TẠI LƯU VỰC SÔNG CỔ CHIÊN, VĨNH LONG

ThS. Nguyễn Trung Nam*

Nghiên cứu này phân tích quá trình chuyển đổi sinh kế và biến đổi cấu trúc xã hội nông thôn tại lưu vực sông Cổ Chiên, tỉnh Vĩnh Long trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thị trường và đô thị hóa. Trên cơ sở kết hợp khung sinh kế bền vững, lý thuyết biến đổi xã hội nông thôn và tiếp cận Việt Nam học, bài viết cho thấy sinh kế nông hộ đang chuyển dịch từ mô hình sản xuất lúa truyền thống sang các hình thức đa dạng hơn như cây ăn trái, cây màu và hoạt động phi nông nghiệp. Quá trình này không chỉ phản ánh sự thích ứng kinh tế, mà còn kéo theo sự tái cấu trúc gia đình, biến đổi quan hệ cộng đồng, thay đổi vai trò giới và gia tăng phân tầng xã hội nông thôn. Kết quả nghiên cứu khẳng định sinh kế cần được nhìn nhận như một thực hành văn hóa - xã hội gắn với không gian sông nước và mạng lưới cộng đồng địa phương. Từ đó, bài viết đề xuất cách tiếp cận phát triển nông thôn theo hướng tích hợp kinh tế - xã hội - văn hóa nhằm nâng cao tính bền vững của sinh kế và cộng đồng.

• Từ khóa: *sinh kế nông hộ; biến đổi xã hội; nông thôn Nam Bộ; Vĩnh Long; Việt Nam học.*

This study examines livelihood transformation and rural social change in the Co Chien River basin, Vinh Long province, Vietnam, within the context of climate change, market dynamics, and rural urbanization. Drawing on the sustainable livelihood framework, rural social transformation theory, and a Vietnam Studies approach, the study identifies a shift from traditional rice-based farming toward diversified livelihood strategies, including fruit cultivation, cash crops, and non-farm activities. The findings indicate that livelihood transformation is not merely an economic adjustment but a process that reshapes household organization, community relations, gender roles, and social stratification. The study argues that livelihoods should be understood as socio-cultural practices embedded in riverine ecological spaces and local social networks. It contributes to Vietnam Studies by highlighting the interplay between economic adaptation and social restructuring in rural contexts, and suggests that rural development policies should adopt an integrated approach combining economic, social, and cultural dimensions to enhance sustainability and resilience in the Mekong Delta.

• Key words: *rural livelihoods; social transformation; Mekong Delta; Vinh Long; Vietnam studies.*

Ngày nhận bài: 16/4/2026
Ngày gửi phản biện: 28/4/2026
Ngày duyệt đăng: 29/5/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i314.64

1. Đặt vấn đề

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng nông nghiệp trọng điểm và không gian văn hóa sông nước đặc thù của Việt Nam, nơi sinh kế nông hộ gắn chặt với điều kiện tự nhiên và hệ thống sông ngòi. Tuy nhiên, khu vực này đang chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, đô thị hóa và biến động thị trường, khiến các mô hình sinh kế truyền thống dần thay đổi theo hướng linh hoạt và đa dạng hơn.

Lưu vực sông Cổ Chiên (Vĩnh Long) là một ví dụ tiêu biểu cho quá trình chuyển đổi này, khi nông hộ vừa đối mặt với rủi ro môi trường, vừa chịu áp lực tái cơ cấu kinh tế và dịch chuyển lao động. Sự thay đổi sinh kế không chỉ là thay đổi phương thức mưu sinh mà còn kéo theo biến đổi trong cấu trúc xã hội nông thôn.

Từ góc độ Việt Nam học, vấn đề không chỉ nằm ở việc nông hộ chuyển sang mô hình sinh kế nào, mà quan trọng hơn là những biến đổi về gia đình, cộng đồng và quan hệ xã hội trong quá trình đó. Bài viết tập trung phân tích xu hướng chuyển đổi sinh kế tại lưu vực sông Cổ Chiên và những tác động xã hội đi kèm, nhằm làm rõ tính phức hợp của quá trình biến đổi nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh hiện đại hóa và biến đổi môi trường.

** Học viện Hàng không Việt Nam; email: namnt@vaa.edu.vn (NCS Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)*

2. Cơ sở lý thuyết và cách tiếp cận

Nghiên cứu vận dụng cách tiếp cận liên ngành, kết hợp khung sinh kế bền vững, lý thuyết biến đổi xã hội nông thôn và tiếp cận Việt Nam học nhằm phân tích đồng thời các thay đổi về sinh kế và cấu trúc xã hội của cư dân ven sông.

2.1. Khung sinh kế bền vững

Theo Scoones (1998), sinh kế bao gồm các nguồn lực, năng lực và hoạt động giúp con người duy trì cuộc sống; sinh kế bền vững là sinh kế có khả năng thích ứng và phục hồi trước các cú sốc. DFID (1999) cụ thể hóa khung phân tích này thông qua năm loại vốn sinh kế: tự nhiên, con người, xã hội, tài chính và vật chất. Ellis (2000) cho rằng đa dạng hóa sinh kế là chiến lược phổ biến của hộ nông thôn nhằm giảm rủi ro và nâng cao khả năng thích ứng. Trong bối cảnh hiện nay, sinh kế còn chịu tác động đồng thời của biến đổi khí hậu, thị trường và di cư (Natarajan et al., 2022). Nghiên cứu sử dụng khung này để lý giải sự thay đổi nguồn lực và các quan hệ xã hội gắn với sinh kế.

2.2. Lý thuyết biến đổi xã hội nông thôn

Biến đổi sinh kế được xem là một bộ phận của quá trình biến đổi xã hội nông thôn. Sự phát triển của thị trường, hạ tầng và khoa học - kỹ thuật đã làm thay đổi cấu trúc gia đình, quan hệ cộng đồng và phân công lao động (Long, 2001; Woods, 2011). Một xu hướng nổi bật là phi nông nghiệp hóa, thể hiện qua sự gia tăng việc làm ngoài nông nghiệp, di cư lao động và đa dạng hóa nguồn thu nhập hộ gia đình (Rigg, 2006; Thanh et al., 2008). Tại Đồng bằng sông Cửu Long, quá trình này diễn ra song song với đô thị hóa và hội nhập thị trường.

2.3. Tiếp cận Việt Nam học

Tiếp cận Việt Nam học đặt các biến đổi sinh kế trong bối cảnh văn hóa - xã hội đặc thù. Trần Ngọc Thêm (1999) nhấn mạnh mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên, trong khi Sơn Nam (2009) cho thấy đời sống cư dân Nam Bộ gắn chặt với hệ thống sông ngòi và hoạt động sản xuất nông nghiệp. Từ góc nhìn này, sinh kế không chỉ là hoạt động kinh tế mà còn là thực hành văn hóa chịu ảnh hưởng của tri thức địa phương, quan niệm về đất đai, gia đình và cộng đồng. Vì vậy, chuyển đổi sinh kế đồng thời kéo theo những thay đổi về vai trò giới, quan hệ thế hệ và mức độ gắn kết cộng đồng.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính dựa trên phân tích tài liệu và dữ liệu thứ cấp, bao gồm niên giám thống kê, báo cáo kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Long và các nghiên cứu liên quan đến sinh kế ở Đồng bằng sông Cửu Long. Phương pháp phân tích nội dung và so sánh được áp dụng trên nền tảng khung sinh kế bền vững và tiếp cận Việt Nam học nhằm nhận diện xu hướng chuyển đổi sinh kế và những biến đổi xã hội nông thôn tại lưu vực sông Cổ Chiên.

3. Thực trạng chuyển đổi sinh kế tại lưu vực sông Cổ Chiên

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, biến động thị trường và tái cơ cấu nông nghiệp, sinh kế của nông hộ tại lưu vực sông Cổ Chiên đang chuyển từ phụ thuộc vào trồng lúa sang đa dạng hóa với cây ăn trái, rau màu, nuôi trồng thủy sản và các hoạt động phi nông nghiệp. Xu hướng này phù hợp với vai trò của Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của cả nước (Umetsu et al., 2022).

Sông Cổ Chiên không chỉ là tuyến thủy văn quan trọng mà còn là không gian sinh kế đặc trưng của tỉnh Vĩnh Long, gắn với canh tác nông nghiệp, giao thông thủy và hoạt động giao thương. Hệ thống sông, kênh rạch cung cấp nguồn nước, phù sa và điều kiện thuận lợi cho phát triển lúa, cây ăn trái và các ngành dịch vụ ven sông (Bảo tàng Vĩnh Long, 2022).

Tuy nhiên, khu vực này cũng đối mặt với nhiều rủi ro như sạt lở bờ sông, ngập lụt và biến động nguồn nước. Những tác động đó đang thúc đẩy người dân điều chỉnh mô hình sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nâng cao khả năng thích ứng trước các biến đổi môi trường và kinh tế.

Bảng 1. Một số chỉ báo không gian - sinh thái liên quan đến sinh kế tại lưu vực sông Cổ Chiên ở Vĩnh Long

Chỉ báo	Dữ liệu/nhận định	Hàm ý đối với chuyển đổi sinh kế
Vai trò thủy văn	Sông Cổ Chiên là một nhánh của sông Tiền, cùng với sông Hậu tạo thành trục sông lớn của Vĩnh Long	Tạo nền tảng tự nhiên cho sản xuất nông nghiệp và cư trú ven sông
Giao thông thủy	Sông Long Hồ kết nối từ sông Cổ Chiên vào nội đồng, là tuyến giao thông thủy quan trọng	Gắn sinh kế nông hộ với trao đổi hàng hóa, chợ ven sông và dịch vụ nhỏ

Chỉ báo	Dữ liệu/nhận định	Hàm ý đối với chuyển đổi sinh kế
Canh tác ven sông	Nguồn nước và phù sa từ hệ thống sông rạch thích hợp cho lúa, cây ăn trái và cây công nghiệp ngắn ngày	Là cơ sở của chuyển đổi từ lúa sang cây ăn trái/cây lâu năm
Rủi ro sạt lở	Vụ sạt lở bờ sông Cổ Chiên tại xã An Bình, huyện Long Hồ năm 2024 dài khoảng 90m, ăn sâu 3,5m, ảnh hưởng khoảng 100 hộ dân và khoảng 70ha vườn cây ăn quả	Cho thấy rủi ro tự nhiên tác động trực tiếp đến sinh kế ven sông

Nguồn: Tổng hợp từ Bảo tàng Vĩnh Long (2022), Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai (2024), Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (2024).

Bảng 1 giúp định vị rõ hơn tính đặc thù của lưu vực sông Cổ Chiên trong bài viết. Các chỉ báo này cho thấy số liệu cấp tỉnh Vĩnh Long không được sử dụng như dữ liệu thay thế đơn giản cho toàn bộ lưu vực, mà được đặt trong quan hệ với không gian ven sông, nơi điều kiện tự nhiên, rủi ro môi trường và mạng lưới giao thương cùng tác động đến sinh kế nông hộ.

Bảng 2. Một số chỉ báo chuyển dịch sản xuất nông nghiệp tại Vĩnh Long

Chỉ báo	Số liệu ghi nhận	Hàm ý đối với chuyển đổi sinh kế
Diện tích lúa cả năm 2024	109.915,24 ha, giảm 2.784 ha so với 2023	Phản ánh xu hướng giảm diện tích lúa trong tái cơ cấu nông nghiệp
Sản lượng lúa cả năm 2024	Khoảng 676.829 tấn, tăng nhẹ 629 tấn so với 2023	Duy trì sản lượng nhờ năng suất và kỹ thuật dù diện tích giảm
Diện tích màu cả năm 2024	47.124 ha, tăng 462 ha so với 2023	Cho thấy xu hướng đa dạng hóa cây trồng
Diện tích cây lâu năm năm 2024	72.052 ha, tăng 1.498 ha so với 2023	Phản ánh vai trò ngày càng lớn của cây ăn trái/cây lâu năm

Nguồn: Tổng hợp từ Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (2024).

Số liệu ở Bảng 2 cho thấy chuyển đổi sinh kế tại Vĩnh Long không diễn ra theo hướng từ bỏ nông nghiệp, mà là tái cấu trúc nội bộ nông nghiệp. Diện tích lúa giảm trong khi diện tích màu và cây lâu năm tăng, cho thấy nông hộ có xu hướng chuyển từ mô hình truyền thống sang các mô hình có khả năng tạo giá trị cao hơn hoặc thích ứng tốt hơn với thị trường. Điều này phù hợp với nhận định của Ellis (2000) rằng đa dạng hóa sinh kế là phản ứng phổ biến của hộ nông thôn trước rủi ro và bất định.

Các số liệu cho thấy chuyển đổi sinh kế tại lưu vực sông Cổ Chiên chịu tác động đồng thời của áp lực sinh thái (hạn mặn, nắng nóng, sâu bệnh) và động lực kinh tế từ hiệu quả sản xuất cây màu, cây ăn trái cùng nhu cầu thị trường. Đây là bối cảnh "dễ bị tổn thương" theo khung sinh kế bền vững của Scoones (1998), buộc nông hộ phải điều chỉnh và tái phối hợp các nguồn vốn sinh kế để thích ứng.

Bảng 3. Một số chỉ báo sản xuất nông nghiệp Vĩnh Long trong tháng 4/2024

Chỉ báo	Số liệu
Diện tích lúa Đông Xuân 2023-2024	38.137,4 ha
Mức giảm diện tích lúa Đông Xuân so với cùng kỳ	-4,08%
Năng suất lúa Đông Xuân bình quân	70,93 tạ/ha
Diện tích lúa Hè Thu đã xuống giống đến 15/4/2024	32.983 ha
Mức giảm diện tích lúa Hè Thu so với cùng kỳ	-4,68%
Diện tích rau màu gieo trồng trong tháng	3.227,3 ha

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long, dẫn theo Cổng thông tin điện tử tỉnh Vĩnh Long, tháng 4/2024.

Bên cạnh đó, vụ sạt lở năm 2024 tại xã An Bình (Long Hồ) ảnh hưởng khoảng 100 hộ dân và 70 ha vườn cây ăn quả cho thấy vốn tự nhiên của các hộ ven sông rất dễ bị tổn thương trước biến động môi trường. Điều này cho thấy chuyển đổi sinh kế cần được xem xét trong mối quan hệ giữa rủi ro sinh thái, cơ cấu sản xuất và khả năng thích ứng của nông hộ (Scoones, 1998; Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật phòng, chống thiên tai, 2024).

Bảng 4. Một số chỉ báo về rủi ro khí hậu và mức độ phơi bày ở Vĩnh Long

Nội dung	Dữ liệu/nhận định chính
Nhóm hiểm họa khí hậu được xem xét	Xâm nhập mặn, biến đổi lượng mưa, ngập lụt, tăng nhiệt độ
Địa bàn có mức hiểm họa rất cao	Vũng Liêm và hơn phân nửa Mang Thít
Địa bàn có mức hiểm họa cao	Trà Ôn và một phần Tam Bình, Mang Thít, Long Hồ
Chỉ báo phơi bày trong nông nghiệp	Diện tích lúa, hoa màu, cây ăn quả, cây công nghiệp, thủy sản
Cơ cấu kinh tế Vĩnh Long trong nghiên cứu	Nông nghiệp 31,91%; dịch vụ 35,47%; công nghiệp - xây dựng 27,88%

Nguồn: Nguyễn Văn Hồng và cộng sự (2024).

Bảng 4 cho thấy sinh kế nông nghiệp ở Vĩnh Long có mức độ phơi bày đáng kể trước rủi ro khí hậu, nhất là tại các huyện ven sông và có liên hệ với không gian lưu vực. Từ các bằng chứng thứ cấp, có thể nhận diện ba đặc trưng của chuyển đổi sinh kế tại lưu vực sông Cổ Chiên: tái cơ cấu nông nghiệp với vai trò tăng lên của cây màu, cây lâu năm và cây ăn trái; đa dạng hóa nguồn thu nhập; và chịu tác động kép của điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội. Vì vậy, chuyển đổi sinh kế không nên được hiểu như một thay đổi kỹ thuật trong sản xuất, mà là quá trình xã hội rộng hơn, tạo tiền đề cho biến đổi cấu trúc gia đình, quan hệ cộng đồng, vai trò giới và phân tầng xã hội.

4. Biến đổi cấu trúc xã hội nông thôn trong quá trình chuyển đổi sinh kế

Dưới góc nhìn khung sinh kế bền vững, các biến động trên phản ánh sự tái phân bổ các loại vốn sinh kế. Sự bất ổn của vốn tự nhiên, đặc biệt là đất, nước và điều kiện thủy văn, làm tăng vai trò của vốn tài chính, vốn con người và vốn xã hội trong chiến lược thích ứng của nông hộ. Việc mở rộng cây ăn trái, cây màu và hoạt động phi nông nghiệp cho thấy nông hộ không chỉ chuyển đổi mô hình sản xuất, mà còn chuyển từ phụ thuộc vào một nguồn lực đơn lẻ sang kết hợp nhiều nguồn vốn để duy trì sinh kế.

Từ các biến đổi sinh kế đã phân tích, có thể thấy chuyển đổi sinh kế tại lưu vực sông Cổ Chiên không chỉ là thay đổi mô hình sản xuất, mà còn kéo theo sự tái cấu trúc quan hệ xã hội nông thôn. Khi diện tích lúa giảm, cây màu và cây lâu năm tăng, lao động dịch chuyển khỏi nông nghiệp, các quan hệ gia đình, cộng đồng, vai trò giới và phân tầng xã hội cũng thay đổi theo. Theo Woods (2011), biến đổi nông thôn hiện đại thường đồng thời tái định hình không gian xã hội, quan hệ cộng đồng và bản sắc địa phương.

4.1. Biến đổi cấu trúc gia đình

Trong mô hình truyền thống, gia đình nông thôn vừa là đơn vị cư trú, vừa là đơn vị sản xuất. Tuy nhiên, khi sinh kế chuyển từ nông nghiệp thuần túy sang đa dạng hóa nguồn thu, gia đình không còn vận hành chủ yếu quanh ruộng đất, mùa vụ và lao động tại chỗ. Sự mở rộng của khu vực dịch vụ và công nghiệp tại Vĩnh Long là chỉ báo quan trọng cho quá trình này. Năm 2024, khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 41,32% GRDP của tỉnh và tăng trưởng ước đạt 7,7%, cho thấy cơ hội sinh kế ngoài nông nghiệp ngày càng mở rộng (Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, 2024).

Bảng 5. Một số chỉ báo kinh tế - xã hội liên quan đến biến đổi cấu trúc gia đình tại Vĩnh Long

Chỉ báo	Số liệu/nhận định	Hàm ý xã hội
Tỷ trọng thương mại - dịch vụ trong GRDP năm 2024	41,32%	Gia tăng cơ hội sinh kế ngoài nông nghiệp
Tăng trưởng khu vực dịch vụ năm 2024	7,7%	Thúc đẩy dịch chuyển lao động khỏi sản xuất nông nghiệp
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ năm 2024	70.390 tỷ đồng, tăng 13,53%	Mở rộng không gian tiêu dùng, dịch vụ và việc làm phi nông nghiệp

Nguồn: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (2024).

Các chỉ báo trên cho thấy nền tảng kinh tế của hộ gia đình nông thôn đang thay đổi. Khi sinh kế không còn phụ thuộc tuyệt đối vào sản xuất nông nghiệp, thành viên trong hộ có xu hướng tham gia nhiều không gian lao động khác nhau như dịch vụ, buôn bán nhỏ, làm thuê hoặc lao động đô thị. Hệ quả là gia đình nông thôn chuyển từ "đơn vị sản xuất tại chỗ" sang "đơn vị điều phối nguồn lực", trong đó thu nhập, lao động và trách nhiệm chăm sóc có thể phân tán giữa nhiều không gian. Điều này phù hợp với nhận định của Rigg (2006) về tác động của phi nông nghiệp hóa đến chức năng kinh tế gia đình nông thôn.

4.2. Biến đổi quan hệ cộng đồng

Quan hệ cộng đồng vùng sông nước vốn hình thành trên nền tảng cư trú ven sông, sản xuất nông nghiệp, giao thương đường thủy và tương trợ trong đời sống. Khi sinh kế chuyển sang mô hình hàng hóa, cây ăn trái, dịch vụ và lao động phi nông nghiệp, quan hệ "láng giềng - thân tộc - tương trợ" không mất đi nhưng được bổ sung bởi các quan hệ mới dựa trên hợp tác sản xuất, tiêu thụ nông sản, tín dụng, kỹ thuật và thị trường.

Một chỉ báo đáng chú ý là rủi ro khí hậu tại Vĩnh Long phân bố không đồng đều, khiến cộng đồng nông thôn chịu mức độ tổn thương khác nhau. Nghiên cứu về tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu tại Vĩnh Long sử dụng các chỉ báo như xâm nhập mặn, biến đổi lượng mưa, ngập lụt và tăng nhiệt độ để đánh giá rủi ro cấp xã; kết quả cho thấy một số địa bàn như Bình Tân và Long Hồ thuộc nhóm dễ bị tổn thương cao hơn (Nguyễn Văn Hồng và cộng sự, 2024).

Bảng 6. Rủi ro khí hậu và hàm ý đối với quan hệ cộng đồng nông thôn

Nhóm rủi ro	Biểu hiện	Hàm ý đối với cộng đồng
Xâm nhập mặn	Ảnh hưởng nguồn nước sản xuất	Gia tăng nhu cầu chia sẻ thông tin, điều chỉnh mùa vụ
Ngập lụt	Tác động đến cư trú, giao thông, sản xuất	Tăng nhu cầu phối hợp cộng đồng và hạ tầng thích ứng
Tăng nhiệt độ	Ảnh hưởng năng suất, sức khỏe lao động	Thúc đẩy thay đổi kỹ thuật và phân công lao động
Biến đổi lượng mưa	Làm tăng bất định trong sản xuất	Tăng phụ thuộc vào thông tin dự báo và liên kết sản xuất

Nguồn: Tổng hợp từ Nguyễn Văn Hồng và cộng sự (2024).

Bảng 6 cho thấy rủi ro môi trường không chỉ tác động đến sản xuất, mà còn làm thay đổi cách cộng đồng vận hành. Khi rủi ro gia tăng, quan hệ cộng đồng dựa trên kinh nghiệm và tương trợ tự

phát phải kết hợp với các dạng liên kết mới như tổ hợp tác, hợp tác xã, nhóm sản xuất, mạng lưới thông tin kỹ thuật và liên kết thị trường. Theo Long (2001), đây là quá trình tái cấu trúc xã hội ở cấp địa phương, trong đó người dân chủ động thương lượng, kết nối và tổ chức lại các nguồn lực xã hội.

4.3. Biến đổi vai trò giới trong sinh kế

Chuyển đổi sinh kế làm thay đổi phân công lao động theo giới khi phụ nữ ngày càng tham gia nhiều hơn vào các hoạt động buôn bán, dịch vụ, lao động phi nông nghiệp và quản lý tài chính hộ gia đình. Trong khi đó, sự dịch chuyển lao động nam và lao động trẻ ra ngoài địa phương khiến phụ nữ và người cao tuổi đảm nhận nhiều hơn vai trò duy trì sản xuất và tổ chức đời sống gia đình.

Tại Vĩnh Long, việc cải thiện hạ tầng và tăng cường khả năng chống chịu khí hậu thông qua các dự án phát triển đã mở rộng cơ hội giao thương và việc làm phi nông nghiệp cho người dân (World Bank, 2020). Từ góc nhìn Việt Nam học, sự thay đổi này cho thấy phụ nữ không chỉ đóng vai trò hỗ trợ mà ngày càng tham gia tích cực vào các quyết định kinh tế và duy trì các liên kết xã hội của gia đình.

4.4. Biến đổi phân tầng xã hội nông thôn

Chuyển đổi sinh kế tạo ra cơ hội mới nhưng đồng thời làm gia tăng phân hóa xã hội giữa các nhóm hộ. Những hộ có đất đai phù hợp, vốn đầu tư, khả năng tiếp cận kỹ thuật, thông tin thị trường và liên kết tiêu thụ có điều kiện chuyển sang cây ăn trái, rau màu hoặc dịch vụ có giá trị cao hơn. Ngược lại, hộ ít vốn, ít đất, thiếu lao động trẻ hoặc nằm trong khu vực dễ tổn thương khí hậu có nguy cơ bị hạn chế khả năng chuyển đổi.

Bảng 7. Chuyển đổi sinh kế và biểu hiện phân tầng xã hội nông thôn

Nhóm hộ	Điều kiện sinh kế nổi bật	Khả năng chuyển đổi	Nguy cơ xã hội
Hộ có vốn, đất, thông tin thị trường	Có khả năng đầu tư cây ăn trái, dịch vụ, kỹ thuật mới	Cao	Gia tăng khoảng cách với nhóm yếu thế
Hộ có lao động trẻ tham gia phi nông nghiệp	Có nguồn thu ngoài nông nghiệp, chuyển tiền về hộ	Trung bình - cao	Gia đình phân tán không gian
Hộ phụ thuộc vào nông nghiệp truyền thống	Ít vốn, ít liên kết thị trường	Trung bình - thấp	Dễ tổn thương trước biến động giá và khí hậu
Hộ ở khu vực rủi ro khí hậu cao	Chịu tác động bởi mặn, ngập, thay đổi nguồn nước	Thấp nếu thiếu hỗ trợ	Nguy cơ tụt hậu và mất ổn định sinh kế

Ghi chú: Bảng 7 mang tính tổng hợp phân tích từ cơ sở lý thuyết và dữ liệu thứ cấp, không phải kết quả khảo sát định lượng trực tiếp.

Nguồn: Tổng hợp từ Scoones (1998), Ellis (2000), Nguyễn Văn Hồng và cộng sự (2024), Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (2024).

Bảng 7 cho thấy phân tầng xã hội nông thôn hiện nay không chỉ gắn với sở hữu đất đai, mà còn với năng lực thích ứng. Chuyển đổi sinh kế làm xuất hiện phân hóa giữa "nhóm chuyển đổi được" và "nhóm khó chuyển đổi". Đây là điểm quan trọng đối với Việt Nam học, bởi nó cho thấy biến đổi xã hội nông thôn không chỉ là thay đổi hình thức sản xuất, mà còn là thay đổi vị thế, quan hệ và khả năng tham gia của các nhóm xã hội trong cộng đồng.

4.5. Tổng hợp: Sinh kế như động lực tái cấu trúc xã hội

Chuyển đổi sinh kế tại lưu vực sông Cổ Chiên không chỉ là sự thay đổi hoạt động sản xuất mà còn là quá trình tái cấu trúc xã hội nông thôn. Sự phát triển của dịch vụ, quá trình tái cơ cấu nông nghiệp và các rủi ro khí hậu đã tác động đến gia đình, quan hệ cộng đồng, vai trò giới và phân tầng xã hội.

Từ góc nhìn Việt Nam học, sinh kế là cơ chế tổ chức đời sống xã hội; khi sinh kế thay đổi, quan hệ giữa con người với đất đai, sông nước, gia đình và cộng đồng cũng thay đổi theo. Dưới góc độ sinh kế bền vững, những biến đổi này phản ánh sự điều chỉnh các nguồn vốn sinh kế để thích ứng với bối cảnh mới. Tuy nhiên, sự khác biệt trong khả năng tiếp cận các nguồn vốn cũng làm cho phân tầng xã hội ở nông thôn ngày càng rõ nét.

5. Thảo luận

Các phân tích cho thấy chuyển đổi sinh kế tại lưu vực sông Cổ Chiên không chỉ là sự thay đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp mà còn là quá trình biến đổi kinh tế, xã hội và văn hóa của cộng đồng nông thôn. Phù hợp với quan điểm của Scoones (1998) và Ellis (2000), sinh kế là một hệ thống động chịu tác động của điều kiện môi trường, nguồn lực và chiến lược thích ứng của hộ gia đình.

Thực tế tại lưu vực sông Cổ Chiên cho thấy xu hướng đa dạng hóa sinh kế thông qua giảm diện tích lúa, tăng cây màu, cây lâu năm và mở rộng hoạt động phi nông nghiệp. Không chỉ cơ cấu thu nhập thay đổi, cách thức tổ chức đời sống, phân công lao động và quan hệ cộng đồng cũng được điều chỉnh theo bối cảnh mới.

Quá trình này tạo ra cả cơ hội và thách thức. Một mặt, nó giúp nâng cao khả năng thích ứng và mở rộng cơ hội kinh tế cho người dân; mặt khác, có thể làm gia tăng khoảng cách giữa các nhóm hộ có và không có lợi thế về vốn, đất đai, lao động và thông tin thị trường. Đồng thời, các quan hệ cộng đồng truyền thống đang được tái định hình theo hướng kết hợp giữa tương trợ thân tộc với các hình thức liên kết sản xuất, hợp tác xã và mạng lưới thị trường. Từ góc nhìn Việt Nam học, sinh kế không chỉ là hoạt động kinh tế mà còn là thực hành văn hóa - xã hội gắn với môi trường sống, tri thức địa phương và bản sắc cộng đồng; do đó, sự thay đổi sinh kế cũng kéo theo những biến đổi sâu sắc trong đời sống xã hội nông thôn.

6. Kết luận và hàm ý chính sách

6.1. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy chuyển đổi sinh kế và biến đổi cấu trúc xã hội nông thôn tại lưu vực sông Cổ Chiên không chỉ là quá trình điều chỉnh mô hình sản xuất nông nghiệp, mà là quá trình biến đổi xã hội - văn hóa toàn diện. Về sinh kế, xu hướng nổi bật là giảm dần vai trò của sản xuất lúa truyền thống, đồng thời gia tăng cây ăn trái, cây màu, thủy sản và hoạt động phi nông nghiệp. Quá trình này phản ánh sự thích ứng của nông hộ trước tác động kép của biến đổi khí hậu và thị trường, phù hợp với lập luận của Scoones (1998) và Ellis (2000) về tính động của sinh kế.

Về xã hội, chuyển đổi sinh kế làm biến đổi cấu trúc gia đình theo hướng linh hoạt hơn, giảm tính tập trung của mô hình sản xuất tại chỗ; tái định hình quan hệ cộng đồng từ tương trợ truyền thống sang các dạng liên kết mới dựa trên thị trường, tổ chức sản xuất và mạng lưới thông tin; điều chỉnh vai trò giới; và gia tăng phân tầng xã hội giữa các nhóm hộ theo khả năng tiếp cận nguồn lực. Từ góc nhìn Việt Nam học, nghiên cứu khẳng định sinh kế không chỉ là vấn đề kinh tế, mà là một thực hành văn hóa - xã hội gắn với không gian sông nước, quan hệ cộng đồng và hệ giá trị địa phương.

6.2. Hàm ý chính sách

Từ kết quả nghiên cứu, phát triển nông thôn bền vững tại lưu vực sông Cổ Chiên cần được tiếp cận theo hướng tích hợp. Thứ nhất, chuyển đổi sinh kế cần gắn với điều kiện sinh thái và đặc điểm văn hóa địa phương, tránh áp dụng mô hình kỹ thuật thuần túy tách khỏi tri thức bản địa và tập quán sản xuất. Thứ hai, cần tăng cường năng lực tiếp cận vốn tài chính, thông tin thị trường, kỹ thuật sản xuất và hạ tầng cho nông hộ, nhất là nhóm dễ bị tổn thương. Thứ ba, cần phát triển các hình thức liên kết cộng đồng mới như hợp tác xã, tổ hợp tác, liên kết chuỗi giá trị, đồng thời duy trì các giá trị tương trợ truyền thống. Thứ tư, cần quan tâm đến vai trò của phụ nữ và nhóm yếu thế trong quá trình chuyển đổi sinh kế. Cuối cùng, các chương trình phát triển nông thôn nên tích hợp yếu tố văn hóa - xã hội nhằm duy trì tính gắn kết cộng đồng, bảo tồn bản sắc vùng sông nước và nâng cao năng lực thích ứng của cư dân nông thôn.

Tài liệu tham khảo:

Bảo tàng Vĩnh Long. (2022). Đôi nét về sông Long Hồ. https://www.baotangvinhlong.vn/bai-viet-nghien-cuu-67150/doi-net-ve-song-long-ho-586987

Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai. (2024). Vĩnh Long: Sạt lở 90m ở bờ sông Cổ Chiên, 100 hộ dân bị ảnh hưởng. https://dmc.gov.vn/bai-viet/vinh-long-sat-lo-90m-o-bo-song-co-chien-100-ho-dan-bi-anh-huong-cd14336-32.html

Department for International Development. (1999). Sustainable livelihoods guidance sheets. DFID.

Ellis, F. (2000). Rural livelihoods and diversity in developing countries. Oxford University Press.

Long, N. (2001). Development sociology: Actor perspectives. Routledge.

Nguyễn Văn Hồng, và cộng sự. (2024). Đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu tỉnh Vĩnh Long. Tạp chí Khoa học Biến đổi khí hậu, 32.

Natarajan, N., Newsham, A., Rigg, J., & Suhardiman, D. (2022). A sustainable livelihoods framework for the 21st century. World Development, 155, 105898.

Rigg, J. (2006). Land, farming, livelihoods, and poverty: Rethinking the links in the rural South. World Development, 34(1), 180-202.

Scoones, I. (1998). Sustainable rural livelihoods: A framework for analysis (IDS Working Paper No. 72). Institute of Development Studies.

Sơn Nam. (2009). Văn minh miệt vườn. Nhà xuất bản Trẻ.

Thanh, H. X., Anh, D. N., & Tacoli, C. (2008). Urbanization and rural development in Vietnam's Mekong Delta. International Institute for Environment and Development.

Trần Ngọc Thêm. (1999). Cơ sở văn hóa Việt Nam. Nhà xuất bản Giáo dục.

Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật phòng, chống thiên tai. (2024). Vĩnh Long: Sạt lở 90m ở bờ sông Cổ Chiên, 100 hộ dân bị ảnh hưởng.

Tổng cục Thống kê. (2023). Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Long. Nhà xuất bản Thống kê.

Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long. (2024). Báo cáo kết quả thực hiện phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

Umetsu, C., Lekprichakul, T., Chakravorty, U., & Thao, N. T. P. (2022). Sustainable farming techniques and farm size for rice smallholders in the Vietnamese Mekong Delta. Agricultural Systems, 196, 103246.

World Bank. (2020). Vietnam: Vinh Long City urban development and enhanced climate resilience project. World Bank.

Woods, M. (2011). Rural. Routledge.